

Số: /GCN-SXD

Sơn La, ngày 05 tháng 11 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng;

Xét Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông Sơn La;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Giám định xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông Sơn La:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp: 5500154896, đăng ký lần đầu ngày 12/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 9/7/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp;
- Mã số thuế: 5500154896;
- Địa chỉ: Số 93, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 8, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;
- Điện thoại: 0212.3852158; Fax: 0212.3874817;
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng công trình giao thông;
- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Đường Điện lực - Lò Văn Giá, bản Giảng Lắc, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 51.002

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông Sơn La;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Ban Giám đốc SXD;
- Đăng tải trên trang web của SXD;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh (đ/c, Kiều Anh);
- Lưu: VT, GĐXD (Thủy).

GIÁM ĐỐC

Hà Ngọc Chung

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 51.001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng số: /GCN-SXD ngày 05 tháng 11 năm 2024
của Giám đốc Sở Xây dựng Sơn La)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý đất trong phòng	
1.1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 ASTM D854-00 AASHTO T100-10
1.2	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216-10
1.3	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 ASTM D4318-00 AASHTO T89-10; T90-08
1.4	Xác định các thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012 ASTM C136-06; D1140-00 AASHTO T88-10; T27-11
1.5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012 ASTM D3080:01 AASHTO T236:96
1.6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012 ASTM D2435; D3877; D4546:01; AASHTO T216:96; BS1377:05
1.7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm; Đàm chặt đất đá dăm	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:06; ASTM D1557-02; D698-00a; AASHTO T99-10; T 180-10
1.8	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012 ASTM D2937-71
1.9	Xác định đặc trưng trương nở của đất sét	TCVN 8719:2012
1.10	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
1.11	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất – nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
1.12	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01
1.13	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020 ASTM D1883; AASHTO T193-10
1.14	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434-06
1.15	Xác định đặc trưng hệ số thấm	TCVN 8723:2012
1.16	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
2	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của cốt liệu cho bê tông và vữa	
2.1	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136:06; JIS A1102:06

2.2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127-12; C128-12; BS EN 1097-6:2000
2.3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127:12; BS EN 1097-6:2000
2.4	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29-09; BS EN 1097-3:1998
2.5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566:04
2.6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117:04; 142:10
2.7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40:11
2.8	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM C2938:02
2.9	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
2.10	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131:06; C535:09; AASHTO T96:10; T327:09
2.11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; AASHTO T335
2.12	Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic	TCVN 7572-14:2006
2.13	Xác định hàm lượng Clorua	TCVN 7572-15:2006
2.14	Xác định hàm lượng Sunfat, Sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
2.15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
2.16	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
2.17	Xác định hàm lượng Silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006
2.18	Xác định hàm lượng Mica	TCVN 7572-20:2006
2.19	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91 AASHTO T176
2.20	Xác định độ bền của cốt liệu bằng phương pháp sử dụng dung dịch Na_2SO_4 hoặc MgSO_4	AASHTO T104:03
2.21	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883-99
3	Phép thử phân tích hoá nước cho xây dựng	
3.1	Xác định hàm lượng cặn không hoà tan	TCVN 4560:88
3.2	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
3.3	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
3.4	Xác định hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:96
3.5	Xác định hàm lượng ion sunfat	TCVN 6200:96
4	Thí nghiệm hiện trường	
4.1	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường (độ ẩm vật liệu trong lớp kết cấu)	TCVN 8729:2012; 22 TCN 02-71; AASHTO T204

4.2	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:06; ASTM D1556
4.3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:12
4.4	Xác định modul đàn hồi của đất nền và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
4.5	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E1082
4.6	Xác định modul đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256; ASTM D4685
4.7	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
4.8	Quan trắc công trình xây dựng	TCVN 9360:2012; TCVN 9399:2012; TCVN 9400:2012

Ghi chú (*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng./.